

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 9 - 2018

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hoa.

2. Bà Nguyễn Thị Di.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Long Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2018/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: /2018/ giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ông Hoàng Đức T**, sinh năm: 1979. (có đơn xin xét xử mặt).

HKTT: Ấp 4, xã A, huyện LT, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã N, huyện L, tỉnh B.

* *Bị đơn:* **Bà Đặng Thị Th**, sinh năm: 1973. (vắng mặt không có lý do).

HKTT: Ấp Tr, xã P, huyện C, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Số 53 tổ 14, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hoàng Đức T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Đức T và bà Đặng Thị Th chung sống với nhau vào năm 2003, không đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ cưới, ông T và bà Th tự

nguyên chung sống không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gỗ tranh cãi, mặc dù ông bà đã nhiều lần nói chuyện với nhau để hàn gắn hạnh phúc nhưng không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay ông T và bà Th đã sống ly thân, không còn quan hệ với nhau về tình cảm cũng như về kinh tế. Nay ông T không còn tình cảm với bà Th nữa nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Ông T và bà Th có 02 người con chung là: Hoàng Đức C, sinh ngày: 22/4/2004 và Hoàng Công Q, sinh ngày: 29/3/2009, ông T đồng ý theo ý kiến của các con về việc ở với ông hay bà Th. Nếu các con ở với bà Th thì ông T không cấp dưỡng nuôi con, nếu các con ở với ông T thì ông T không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đặng Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Th là vợ ông Hoàng Đức T, bà Th và ông T chung sống với nhau vào năm 2003, tự nguyện chung sống không bị ai ép buộc, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Việc ông T trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm gây gỗ tranh cãi là không đúng, mà do ông T có tình cảm với người phụ nữ khác nên mới muốn ly hôn với bà Th. Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà Th không đồng ý.

- Về con chung: Bà Th và ông T có 02 người con chung là: Hoàng Đức C, sinh ngày: 22/4/2004 và Hoàng Công Q, sinh ngày: 29/3/2009. Trong trường hợp ly hôn thì bà Th đồng ý theo ý kiến của các con về việc ở với ông T hay bà Th, bà Th và ông T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Th và ông T có tài sản chung là Quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã An Ngãi, nhưng bà Th không biết số tờ sổ thửa và diện tích đất vì ông T giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Th yêu cầu chia đất này thành 02 phần bằng nhau cho bà Th và ông T, bà Th không cung cấp được chứng cứ để chứng minh tài sản này là tài sản chung của vợ chồng.

Tại Văn bản thỏa thuận tài sản khi ly hôn lập ngày 20/7/2018 và Biên bản giao nhận tiền lập ngày 14/8/2018 giữa ông Hoàng Đức T và bà Đặng Thị Th thì bà Th và ông T đã thỏa thuận xong về tài sản cũng như về con. Do đó hiện nay bà Th và ông T không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có.

* Nguyên vọng của cháu Hoàng Đức C là được ở với ông T.

* Nguyên vọng của cháu Hoàng Công Q là được ở với bà Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền phát biểu về quá trình giải quyết vụ án, xác định việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX và nguyên đơn và bị đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận ông T và bà Th là vợ chồng; Giao cháu C cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Q cho bà Th trực tiếp nuôi

dưỡng, ông T và bà Th không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung: không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Hoàng Đức T yêu cầu ly hôn với bà Đặng Thị Th, bà Th hiện đang cư trú tại huyện Long Điền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà Th được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bà Th theo Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Th chung sống với nhau từ năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Theo ông T thì vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ cãi nhau dẫn đến đời sống chung không có hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn. Còn bà Th cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy, vợ chồng chung sống phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, cả hai vợ chồng đều phải có tình cảm yêu thương nhau, theo bà Th trình bày vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Tuy nhiên, thực tế hiện nay ông T và bà Th đang sống ly thân, không còn quan hệ với nhau về tình cảm cũng như về kinh tế, ông T không còn tình cảm với bà Th, vợ chồng không có phương án để hàn gắn hạnh phúc. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà Th là có thật và trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương tôn trọng nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở cho ông T ly hôn với bà Th. Tuy nhiên, ông T và bà Th chung sống với nhau từ năm 2003 có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký nên đã vi phạm quy định về đăng ký kết hôn theo điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc hướng dẫn thi hành luật hôn nhân và gia đình và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó không công nhận ông T và bà Th là vợ chồng.

- Về con chung: Ông T và bà Th có 02 người con chung là: Hoàng Đức C, sinh ngày: 22/4/2004 và Hoàng Công Q, sinh ngày: 29/3/2009. Ông T và bà Th đều đồng ý theo nguyện vọng của các con về việc ở với ông T hay bà Th. Xét thấy, theo nguyện vọng của cháu C là mong muốn được ở với ông T, còn cháu Q mong muốn được ở với bà Th. Do đó, để đảm bảo cho các con được phát triển toàn diện và theo đúng nguyện vọng của các con thì cần giao cháu C cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Q cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông T và bà Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/- Không công nhận ông Hoàng Đức T và bà Đặng Thị Th là vợ chồng.

2/- Về con chung: Ông T và bà Th có 02 người con chung là: Hoàng Đức C, sinh ngày: 22/4/2004 và Hoàng Công Q, sinh ngày: 29/3/2009.

Ông Hoàng Đức T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Hoàng Đức C, sinh ngày: 22/4/2004.

Bà Đặng Thị Th được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Hoàng Công Q, sinh ngày: 29/3/2009.

Ông T và bà Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Nếu ông T, bà Th lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông T, bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4/- Về án phí: Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc ông Hoàng Đức T phải chịu 300.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu 0009640 ngày 23/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, ông T đã nộp đủ. Bà Đặng Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/9/2018), các đương sự được quyền kháng cáo bản án đề yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND H.Long Điền;
- TAND tỉnh BRVT;
- THADS H.Long Điền
- Lưu hồ sơ vụ án; AV.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Dung